

Số: 432/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 402/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 496/68/3 đường Dương Quảng Hàm, Phường 6, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Trần Phan Phong T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 496 /68/3 đường Dương Quảng Hàm, Phường 6, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Phan Phong T thuận tình ly hôn.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Phan Phong T thuận tình ly hôn

Giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 13/5/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh cấp cho anh Trần Phan Phong T và chị Nguyễn

Thị C không còn hiệu lực.

Về con chung: Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Phương N, sinh ngày 17/5/2006 đến tuổi trưởng thành. Chị C không yêu cầu anh Trần Phan Phong T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị C và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị C và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị C tự nguyện chịu thay tiền án phí cho anh Thái và được cân trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị C đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0025961 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho Chị C 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

